**TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ I – NGỮ VĂN 8**

**…………………………….**

1. **PHẦN VĂN HỌC.**

**I. VĂN BẢN TRUYỆN KÍ VIỆT NAM**

* 1. **Yêu cầu về kiến thức**

**+ HS hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Tên tuổi * Quê quán * Sự nghiệp sáng tác | * Phong cách sáng tác * Đề tài * Tác phẩm tiêu biểu | - Giải thưởng (nếu có) |

**+ HS hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản về tác phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Hoàn cảnh sáng tác, vị trí, xuất xứ * Thể loại * Phương thức biểu đạt | * Ngôi kể, tác dụng của ngôi kể * Tình huống * Đề tài * Tóm tắt * Đặc điểm nhân vật | * Nội dung và nghệ thuật cơ bản của từng tác phẩm. * Liên hệ thực tiễn cuộc sống hiện nay qua các chủ đề như: *trường lớp, tình mẫu tử, phụ tử, gia đình, tình yêu thương.* |

* 1. **Yêu cầu về kĩ năng**
* Nhận biết tên tác giả và tác phẩm cùng đề tài.
* Nhận biết các kiến thức tiếng Việt trong ngữ liệu đã cho.
* Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong văn bản.
* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật của truyện.

**-** Hiểu được ý nghĩa các văn bản.

* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

# Bảng thống kê kiến thức về tác giả, tác phẩm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên văn bản, tác giả** | **Thể loại** | **Phương thức biểu đạt** | **Nội dung chủ yếu** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| Tôi đi học Thanh Tịnh (1911-1988) | Truyện ngắn | Tự sự + miêu tả + biểu cảm | Hồi tưởng lại tâm trạng bỡ ngỡ, hồi hộp, lo sợ, những cảm giác trong sáng, mới lạ nảy nở trong lòng nhân vật tôi ở ngày đầu tiên đi học | * Nhiều hình ảnh so sánh đặc sắc * Ngôn từ giàu chất thơ (Trữ tình) * Kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn |
| Trong lòng  mẹ  (Nguyên Hồng)  (1918-1982) | Hồi kí | Tự sự + miêu tả + biểu cảm | Những đau đớn tủi cực của bé Hồng và tìn yêu thương mẹ tha thiết của em | - Nhiều hình ảnh so sánh gợi cảm  - Lời văn chân thực giọng điệu trữ tình thiết tha |
| Tức nước vỡ bờ  (Ngô Tất Tố)  (189 -1954) | Tiểu thuyết | Tự sự + miêu tả | Phê phán xã hội thực dân nửa phong kiến tàn ác bất nhân và cơ ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của người phụ nữ nông dân | * Tính cách nhân vật miêu tả qua ngôn ngữ, hành động. * Lời văn giản dị, chân thực. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lão Hạc (Nam Cao)  (1915- 1951) | Truyện ngắn | Tự sự + miêu tả + biểu cảm + nghị luận | Số phận bi thảm của người nông dân trong xã hội cũ. Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của họ. | * Diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc. * Kể chuyện tự nhiên, chân thực. |

**II. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

1. **Yêu cầu:**

* Học sinh nắm được những kiến thức cơ bản về: Tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, chủ đề, ngôi kể, tình huống truyện, tóm tắt, đặc điểm nhân vật, giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa.
* Nắm được nội dung, nghệ thuật của một số đoạn văn, chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, đặc sắc.
* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung và nghệ thuật của truyện;
* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

# Bảng thống kê các tác giả, tác phẩm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên văn bản** | **Tên tác giả** | **Nội dung chủ yếu** | **Nghệ thuật chủ yếu** |
| 1 | Cô bé bán diêm | An-đéc-xen | Lòng thương cảm sâu sắc đối với một em bé bất hạnh | * Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn * Đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng * Các tình tiết diễn biến hợp lí. |
| 2 | Đánh nhau với cối xay gió | Xéc-van-tet | Cặp nhân vật bất hủ trong văn học thế giới: Đôn Ki-hô-tê nực cười nhưng cơ bản có những phẩm chất đáng quý; Xan-chô Pan-xa có những mặt tốt song cũng bộc lộ nhiều điểm đáng chê trách. | - Biện pháp nghệ thuật và tương phản giữa 2 hình tượng nhân vật.  - Giọng điệu phê phán hài hước.  - Sử dụng tiếng cười để giễu cợt cái hoang tưởng và tầm thường; đề cao cái thực tế và cao thượng |
| 3 | Chiếc lá cuối cùng | O Hen-ri | Tình yêu thương cao cả giữa những người nghèo khổ và thông điệp về nghệ thuật | - Nghệ thuật khắc hoạ nhân vật  - Xây dựng tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo.  - Kết cấu đảo ngược tình huống hai lần. |

1. **PHẦN TIẾNG VIỆT.**
2. **Các đơn vị kiến thức cơ bản:**

* **Trường từ vựng**
* **Từ tượng hình, từ tượng thanh**
* **Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội**
* **Trợ từ, thán từ, tình thái từ.**

# Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng.

* HS nắm vững khái niệm, cách sử dụng của các đơn vị kiến thức cơ bản trên.
* Biết vận dụng những kiến thức đó vào dựng đoạn văn.
* Nhận diện và phân tích tác dụng của các kiến thức đó trong ngữ liệu.

**III. Bảng tổng hợp kiến thức:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiến thức tiếng Việt** | **Khái niệm/công dụng** | **Ví dụ** |
| **Trường từ vựng** | * Trường từ vựng là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.   \* Lưu ý: Đặc điểm trường từ vựng: SGK trang 21, 22 | * Các từ: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng. * Đều có nét chung về nghĩa: Chỉ bộ phận cơ thể con người. * Trường từ vựng: bộ phận cơ thể con người. |
| **Từ tượng hình**  **Từ tượng thanh** | * Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. * Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người   \* Tác dụng từ tượng hình, từ tượng thanh: gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao. | * Từ tượng hình: lẻo khẻo, khệnh khạng, lon khom... * Từ tượng thanh: hu hu, loảng xoảng, tí tách.. |
| **Từ địa phương và biệt ngữ xã hội** | * Từ địa phương: là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định. * Biệt ngữ xã hội: chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định | * Từ địa phương:   Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.  (HCM, Tức cảnh Pác Bó)   * Biệt ngữ xã hội:   …. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.  (Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu) |
| **Trợ từ** | * Trợ từ: là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để **nhấn mạnh** hoặc **biểu thị thái độ đánh giá** sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó. * Một số trợ từ: những, có, chính, đích, ngay, ... | Nó ăn những hai bát cơm. |
| **Thán từ** | Thán từ: từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói (ôi, than ôi, trời ơi…) hoặc dùng để gọi đáp (này, ơi, vâng, dạ,..)   * Vị trí: thường đứng đầu câu, có khi nó được tách ra thành một câu đặc biệt | ***Ôi ! Bài thơ này hay quá.*** |
| **Tình thái từ** | * Tình thái từ là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói. * Một số loại tình thái từ:   + Tình thái từ nghi vấn: à, ư, hả, hử, chứ, chăng….  + Tình thái từ cầu khiến: đi, nào, với,…  + Tình thái từ cảm thán: thay, sao,…  + Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: ạ, nhé, cơ, mà,… | + Tạo câu nghi vấn:  ***-*** Mẹ đi làm rồi **à** ?  + Tạo câu cầu khiến:  - Con nín **đi** !  + Tạo câu cảm thán:  Khéo **thay** mang lấy sắc tài làm chi !  (Nguyễn Du, Truyện Kiều)  + Biểu thị sắc thái tình cảm:  - Em chào cô **ạ** ! |

1. **TẬP LÀM VĂN**
2. **Các đơn vị kiến thức cơ bản:**

* Tính thống nhất về chủ đề của văn bản
* Bố cục của văn bản

**- Xây dựng đoạn văn trong văn bản**

* **Liên kết các đoạn trong văn bản**
* **Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự**

# Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng.

* HS cần nắm vững và vận dụng được các kĩ năng cơ bản về:

+ Bố cục của văn bản

+ Tính thống nhất về chủ đề của văn bản

**+ Đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, các cách trình bày văn bản**

**+ Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản**

* **Biết dựng đoạn văn làm rõ câu chủ đề, đảm bảo tính liên kết, bố cục nêu cảm nhận về một khía cạnh, đặc điểm của nhân vật**

**- Biết bày tỏ những suy nghĩ về những vấn đề thực tiễn cuộc sống hiện nay như: *chủ đề trường lớp, tình mẫu tử, phụ tử, gia đình, tình yêu thương.***

**- Viết bài văn tự sự có kết hợp miêu tả, biểu cảm.**

**D. Cấu trúc đề: Tự luận 100%**

**I. Phần 1: Đọc – hiểu văn bản: 3 điểm**

* Ngữ liệu: Ngoài sách giáo khoa
* Nội dung:

+ Đoạn văn bản gắn với đặc trưng thể loại: thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, nhân vật chính, nội dung đoạn văn bản, thông điệp rút ra, ý nghĩa của chi tiết, tình huống truyện. (Mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp)

+ Tiếng Việt: Các kiến thức tiếng Việt đã học: Trường từ vựng; Từ tượng hình, từ tượng thanh; Trợ từ, thán từ; Tình thái từ. (Mức độ: nhận biết, thông hiểu)

**II. Phần 2: Làm văn: 7 điểm**

**1. Viết đoạn văn khoảng từ 7-9 câu: 2 điểm** (vận dụng thấp)

**\* Nội dung: Cảm nhận hoặc trình bày suy nghĩ về một nhân vật – một khía cạnh của nhân vật trong các văn bản truyện kí hiện đại: “Trong lòng mẹ, Lão Hạc”.**

1. Đoạn trích: “Trong lòng mẹ”: tình yêu thương mẹ của bé Hồng:

- Qua cuộc nói chuyện với bà cô:

+ Tin yêu mẹ

+ Thương xót mẹ và vô cùng đau đớn, khóc tức tưởi

+ Đau đớn đến, uất ức đến cực điểm khi bà cô tươi cười kể tình cảnh tội nghiệp của mẹ.

- Khi được gặp mẹ và ở trong lòng mẹ:

+ Vội vã, bối rối, lập cập rồi òa lên khóc dỗi hờn khi gặp lại mẹ.

+ Cảm giác sung sướng, hạnh phúc đén cực điểm khi được ở trong lòng mẹ. Một thế giới dịu dàng những kỉ niệm và ăm ắp tình mẫu tử…Bé Hồng bồng bềnh trong cảm gaics vui sướng, rạo rực…. Một bài ca về tình mẫu tử cảm động và thiêng liêng

2. Đoạn trích trong truyện ngắn “Lão Hạc”:

a. Nhân vật lão Hạc: Những phẩm chất cao đẹp của lão Hạc:

- Hiền lành, nhân hậu

- Tình yêu thương con mãnh liệt:

+ Khi con trai không lấy được vợ phẫn chí bỏ đi, lão rất thương con; ngày đêm mong ngóng tin tức của con, lão day dứt vì chưa làm tròn bổn phận của người cha.

+ Lão chăm sóc, yêu thương con Vàng vì một phần đó là kỉ vật con lão để lại, lão hi vọng ngày con trở về.

+ Tình yêu thương con của lão Hạc được thể hiện rõ nhất qua việc: Lão tìm mọi cách để giữ lại mảnh vườn cho con trai, lão thà chết chứ nhất định không bán đi một sào. Tình cha con của lão Hạc là một tình cảm thiêng liêng và cảm động, lão đã chết để trọn đạo làm cha.

- Sống trong sạch, giàu đức hi sinh

- Giàu lòng tự trọng:

+ Lão không muốn phiền lụy hàng xóm, đã nhịn đói để dành tiền nhờ hàng xóm lo ma chay cho mình: gửi ông giáo 30 đồng.

+ Khi bị đẩy vào hoàn cảnh túng quẫn, lão không chấp nhận sự thương hại của mọi người. Lão đã từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo...

+ Lão tự kiếm sống qua ngày, khi không còn gì để sống và không muốm bị biến chất như Binh Tư, lão Hạc đã chọn cho mình cái chết. Cái chết của lão thật dữ dội và đau đớn như để chuộc lỗi với cậu Vàng. Cái chết của lão xuất phát từ lòng tự trọng cao đẹp.

b. Nhân vật ông giáo:

- Quan tâm, chia sẻ, động viên lão Hạc

- Là người hiểu đời, hiểu người: Triết lí sâu sắc về cách đánh giá con người, đồng cảm, yêu thương con người…

**\* Tích hợp tiếng Việt và Tập làm văn:**

+ Tiếng Việt: Từ tượng hình, Tình thái từ.

+ Tập làm văn: Kiểu dựng đoạn (diễn dịch, quy nạp, …), câu chủ đề.

**2. Viết bài văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm: 5 điểm** (vận dụng thấp: 4 điểm, vận dụng cao: 1 điểm)

**\* Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả biểu cảm có bố cục 3 phần**.

**+ Mở bài:** Thường giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện *(cũng có khi nêu kết quả sự việc, số phận nhân vật trước, sau đó Thân bài mới kể ngược lên theo trình tự thời gian.)*

**+ Thân bài:** Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định

*(Thực chất trả lời câu hỏi: câu chuyện diễn ra như thế nào? Trong khi kể, người viết thường kết hợp miêu tả người, sự việc và thể hiện tình cảm thái độ của mình trước sự việc và con người được miêu tả.)*

**+ Kết bài:** Thường nêu kết cục và cảm nghĩ người trong cuộc *(người kể chuyện hay một nhân vật nào đó).*

**(Chú ý:** Trong từng phần cần đưa vào các nội dung miêu tả và biểu cảm cho phù hợp để giúp người đọc hình dung cụ thể sự việc và làm nổi bật tư tưởng chủ đề câu chuyện.**)**

**\* Một số đề viết bài văn HS tự luyện tập:**

Đề 1: Kể một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi. Từ kỉ niệm đó, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống hôm nay ?

Đề 2: Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng. Từ câu chuyện đó, em có suy nghĩ gì về bổn phận của người con trong gia đình ?

Đề 3: Người ấy (thầy cô, người thân,…) sống mãi trong lòng tôi. Từ câu chuyện đó, em thấy được trách nhiệm gì của tuổi trẻ trong môi trường học đường?

**\* Gợi ý mẫu một đề:**

Đề 1: Kể một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi. Từ kỉ niệm đó, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình bạn đẹp trong cuộc sống hôm nay ?

**Dàn ý:**

a. Mở bài: Giới thiệu người bạn thân của mình là ai ? Kỉ niệm khiến mình xúc động nhất là gì ? (nêu một cách khái quát)

b. Thân bài: Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy + trình bày suy nghĩ của bản thân về tình bạn đẹp

- Nó xảy ra ở đâu, lúc nào ? (thời gian, hoàn cảnh,…). Với ai ? (nhân vật)

- Chuyện xảy ra như thế nào ? (mở đầu, diễn biến, cao trào – nếu có, kết quả)

- Điều gì khiến em xúc động ? Xúc động như thế nào? (miêu tả các biểu hiện của sự xúc động)

- Ý nghĩa của tình bạn đẹp: …

c. Kết bài: Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó?

**(Chú ý:** Trong từng phần cần đưa vào các nội dung miêu tả và biểu cảm cho phù hợp để giúp người đọc hình dung cụ thể sự việc và làm nổi bật tư tưởng chủ đề câu chuyện.**)**

**…………. Hết…………..**